

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày 18 / 10/ 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lại.

2. Ông Đỗ Văn Ngôn

-Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST- DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33A/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 14/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2021/QĐST-DS ngày 30/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1968 – vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 54, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1963 – vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm V, thôn Nt, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thân Thị H, sinh năm 1966. vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm V, thôn Nt, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1963. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 54, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Vợ chồng bà và vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H không có họ hàng gì mà chỉ quen biết nhau qua làm ăn kinh doanh. Vợ chồng bà làm nghề kinh doanh, nhà bà có xe chở vật liệu, ông D chồng bà lái xe chở nguyên vật liệu xây dựng cho ông Tr để ông Tr thi công các công trình đã ký với các chủ đầu tư. Việc mua bán giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông Tr diễn ra nhiều năm nhưng đã thanh toán cho nhau xong.

Đến năm 2018 vợ chồng bà có cung cấp vật liệu xây dựng cho vợ chồng ông Tr nhiều đợt nhưng ông Tr không trả tiền cho vợ chồng bà. Tính đến ngày 04/02/2019 ông Tr có chót nợ với vợ chồng bà số nợ là 213.000.000đồng (Hai trăm mười ba triệu đồng). Sau đó vợ chồng bà có đòi ông Tr thì vợ chồng ông Tr đã trả cho vợ chồng bà nhiều lần được số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng). Số tiền còn lại là 133.000.000 đồng ông Tr chưa trả vợ chồng bà. Ngày 25/10/2020 ông Tr có viết giấy hẹn trả tiền vợ chồng bà vào ngày 05/11/2020 thì trả hết số tiền trên là 133.000.000đồng. Tuy nhiên đến nay ông Tr không trả mặc dù vợ chồng bà đã đòi rất nhiều lần. Nay bà đề nghị Tòa án buộc ông Tr và bà H phải trả vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 133.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 25/10/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày: Ông D làm nghề lái xe chở nguyên vật liệu xây dựng, ông Tr làm nghề xây dựng nên có đặt vấn đề với ông mua nguyên vật liệu cung cấp cho ông Tr. Ông D và ông Tr hai bên đã làm ăn với nhau nhiều năm nay, khi cung cấp vật liệu cho ông Tr xong thì ông Tr thanh toán tiền cho ông đầy đủ. Tuy nhiên năm 2018 ông đã chở vật liệu xây dựng cho ông Tr nhiều lần nhưng ông Tr không thanh toán trả tiền cho ông. Tính đến ngày 04/02/2019 ông Tr có chót nợ với vợ chồng ông số nợ là 213.000.000đồng (Hai trăm mười ba triệu đồng). Sau đó vợ chồng ông có đòi ông Tr thì vợ chồng ông Tr đã trả cho vợ chồng ông nhiều lần được số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Số tiền còn lại là 133.000.000đồng ông Tr chưa trả. Ngày 25/10/2020 ông Tr có viết giấy hẹn trả tiền vợ chồng ông vào ngày 05/11/2020 thì trả hết số tiền trên là 133.000.000đồng. Tuy nhiên đến nay ông Tr không trả mặc dù vợ chồng ông đã đòi rất nhiều lần. Nay ông D đề nghị Tòa án buộc ông Tr và bà H phải trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 133.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 25/10/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị H, Tòa án đã triệu tập nhiều lần và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Tr và bà H không đến tòa án làm việc và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Tráng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa ông Trần Văn D yêu cầu HĐXX buộc ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc 133.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Tr, bà H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng

dân sự; Điều 27 – Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn D số tiền nợ gốc là 133.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ông Tr và bà H phải chịu án phí DSST, bà T không phải chịu án phí DSST, trả lại bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* Bị đơn là ông Nguyễn Văn Tr; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị H đã được Tòa án triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị T là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Văn Tr là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm V, thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ giấy chót nợ ngày 04/02/2019 dương lịch và giấy hẹn trả tiền ngày 25/10/2020, ông Nguyễn Văn Tr có chót nợ tiền vật liệu xây dựng công trình với ông Trần Văn D và bà Trần Thị T với số tiền 213.000.000 đồng và hẹn đến ngày 05/11/2020 sẽ thanh toán trả ông D, bà T nhưng ông Tr lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo giấy hẹn trả tiền nên bà T đã khởi kiện đến Tòa án, đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” được quy định tại Điều 430- Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp, giữa vợ chồng bà T và vợ chồng ông Tr không có quan hệ họ hàng mà chỉ có mối quan hệ quen biết trong việc làm ăn. Ông Tr làm nghề xây dựng, ông D (chồng bà T) có cung cấp nguyên vật liệu xây dựng cho ông Tr. Trong quá trình làm ăn với nhau nhiều năm ông Tr đã thanh toán đầy đủ cho ông D, bà T. Tuy nhiên từ năm 2019 ông Tr không thanh toán trả tiền vật liệu xây dựng cho ông D và bà T nữa. Tại giấy chót nợ ngày 04/02/2019 dương lịch và giấy hẹn trả tiền ngày 25/10/2020 thì ông Nguyễn Văn Tr còn nợ ông Trần Văn D và bà Trần Thị T số tiền 213.000.000 đồng. Theo bà T và ông D trình bày sau khi viết giấy hẹn trả tiền ngày 25/10/2020, ông Tr, bà H đã nhiều lần trả cho bà T, ông D được số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) nay ông Tr còn nợ số tiền 133.000.000 đồng. Bà T và ông D yêu cầu ông Tr và bà H phải trả số tiền 133.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Tr, bà H đến làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải giữa hai bên được. Căn cứ giấy

chốt nợ và giấy hẹn trả tiền do ông Tr viết và sự thừa nhận của nguyên đơn thì hiện nay ông Tr, bà H còn nợ bà T và ông D số tiền 133.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận. HĐXX xét thấy cần buộc ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn D là có căn cứ pháp luật.

Về lãi suất: Bà Trần Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr phải trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 25/10/2020 cho đến nay. Hội đồng xét thấy ông Tr đã vi phạm nghĩa vụ nên phải có nghĩa vụ trả phần tiền lãi suất cho bà T và ông D là có căn cứ, trong giấy hẹn trả tiền do ông Tr viết thì đến ngày 05/11/2020 ông Tr phải trả tiền cho bà T và ông D. Như vậy ông Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/11/2020. Trong giấy hẹn trả tiền không thể hiện lãi suất và cũng không xác định rõ lãi suất là bao nhiêu mà chỉ ghi ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/11/2020. Vì vậy cần áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 – BLDS để buộc ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H phải trả lãi suất cho bà T và ông D kể từ ngày 06/11/2020 đến ngày 18/10/2021 là phù hợp pháp luật, cụ thể:

$133.000.000\text{đồng} \times 10\%/1 \text{ năm (tương đương } 0,83\%/1 \text{ tháng)} \times 11 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 12.584.460\text{đồng tiền lãi.}$

Như vậy tổng số tiền ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D và bà Trần Thị T là: $133.000.000 \text{ đồng} + 12.584.460\text{đồng} = 145.584.460\text{đồng.}$

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, cần hoàn trả lại bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H phải chịu án phí là: $145.583.400 \text{ đồng} \times 5\% = 7.279.000 \text{ đồng.}$

Căn cứ vào những nhận định trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn D số tiền nợ gốc 133.000.000đồng và 12.584.460đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là: $133.000.000\text{đồng} + 12.584.460\text{đồng} = 145.584.460\text{đồng}$ (Một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Thân Thị H phải chịu 7.279.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

Hoàn trả bà Trần Thị T số tiền 3.325.000 đồng (*Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0000276 ngày 25/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Văn Hợp

